TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HOA

Bản án số: 01/2018/HSST
Ngày 04-01-2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Công Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Bảy; 2. Ông Nguyễn Xuân Ký.

- Thư ký phiên tòa: Lô Thị Minh - Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân*:** Ông Lê Hữu Nam - Kiểm sát Viên.

Vào ngày 04/01/2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2017/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXX-TA, ngày 17 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Trương Minh T1 - Tên gọi khác: Trương Xuân T; Sinh ngày: 10/8/1982; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Xuân Hương, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 5/12; Con ông: Trương Xuân T và bà: Nguyễn Thị L; Có vợ tên là: Bùi Thị Th và có 02 con nhỏ, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 lần, ngày 20/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 8.000.000 đồng về tội Đánh bạc (Chưa chấp hành xong tiền nộp phạt); Bị tạm giữ từ ngày 09/02/2017, đến ngày 12/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 27/4/2017 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, đến ngày 15/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thanh T - Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/10/1980; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Thanh Hương, Xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Nguyễn Tiến K và bà: Bùi Thị H; Có vợ tên là: Trương Thị T và có 02 con nhỏ, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 20/6/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Ngày 06/6/2012, bị Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù giam về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đương nhiên được xóa án tích); Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 09/02/2017, đến

ngày 12/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đăng K; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 30/8/1984; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Thanh Xuân, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Con ông: Nguyễn Đăng Đ và bà: Lê Thị L; Có vợ là: Lường Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; Bị áp biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 09/02/2017, đến ngày 12/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Bá C; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 05/10/1975; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Xuân Hương, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 3/12; Con ông: Lê Bá B và bà: Lê Thị N; Có vợ là: Nguyễn Thị H và có 02 con nhỏ, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 07 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 09/02/2017, đến ngày 14/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Văn N; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 18/10/1992; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: thôn Xuân Thành, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Con ông: Lê Văn H và bà: Lê Thị D; Có vợ là: Lang Thị T và có 01 con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/12/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 11/02/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Trương Minh T2; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 05/10/1993; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Xuân Hương, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Con ông: Trương Xuân T và bà: Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/6/2015 bị Công an huyện Như Xuân xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe của người khác" (đã nộp tiền phạt ngày 25/9/2015); Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 09/02/2017, đến ngày 12/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Bùi Thị H; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1953; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Thanh Hương, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch:

Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hoá: 07/7; Con ông: Bùi Văn N và bà: Quách Thị H; Có chồng là: Nguyễn Tiến K và có 03 con đã trưởng thành, con lớn nhất sinh năm 1980; con nhỏ nhất sinh năm 1984; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 11/02/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Văn Q; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 04/12/1993; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Xuân Thành, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Con ông: Lê Văn H và bà: Lê Thị D; Có vợ là: Nguyễn Thị D và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 11/02/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

9. Lường Khắc H; Tên gọi khác: Nh; Sinh ngày: 11/12/1995; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Thanh Xuân, Xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 4/12; Con ông: Lường Khắc T và bà: Trương Thị N; Có vợ là: Lò Thị M; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp biện dụng pháp biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 13/03/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

10. Lê Anh Đ; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 20/02/1992. Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: thôn Làng Quyền, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thổ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Lê Văn K và bà: Lê Thị N; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 09/02/2017, đến ngày 14/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, vắng mặt tại phiên tòa có lý do (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Trương Ngọc S; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 07/6/1996; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Xuân Hương, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Trương Ngọc T và bà: Lê Thị Q; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 10/02/2017, đến ngày 13/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

12. Nguyễn Đình T; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 06/4/1995; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Xuân Thành, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hoá: 12/12. Con ông: Nguyễn Đình C và bà: Lê Thị D; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 10/02/2017, đến ngày 13/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn Huy G; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 18/10/1994; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Tân Thành, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Nguyễn Huy P và bà: Lương Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 09/02/2017, đến ngày 12/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

14. Lê Xuân L; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 11/09/2000; Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Xuân Thành, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: 11/12. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Xuân T và bà: Lê Thị Y; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 12/02/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo L: Ông Lê Xuân T - Sinh năm: 1973 (Bố đẻ).

Trú tại: Thôn Xuân Thành, xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

- Những người bào chữa cho các bị cáo:

1. Ông Hoàng Đức Hiếu – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa – Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn (Có mặt).

2. Ông Lê Bá Mai – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa – Bào chữa cho bị cáo Trương Minh Tuấn (Có mặt).

3. Bà Dương Thị Vân – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa – Bào chữa cho bị cáo Trương Minh Tới (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 08/02/2017, Nguyễn Thanh T và Trương Minh T1 trên đường đi chơi về thì gặp Lê Văn Q, Lê Văn N, Trương Minh T2, Nguyễn Huy G và Trương Ngọc S đứng gần cổng nhà T1, sau khi gặp nhau cả bọn rủ nhau đánh bài ăn tiền, hình thức đánh xóc đĩa. Nguyễn Thanh T nói "*Lên phía sau lán nhà ông L chơi*" tất cả đồng ý và đi lên lán nhà ông L khi đến lán thì gặp Lê Anh Đ đang ở lán, Nguyễn Thanh T nói "*Lúc nữa bọn anh đánh bạc mày gác công an cho bọn anh rồi bọn anh trả tiền"* Đ đồng ý Nguyễn Thanh T nói với Đ "*Mang giúp anh mấy cái chiếu*", sau đó Đ vào lán mang 02 chiếc chiếu đi cùng các đối tượng lên vườn keo sau lán nhà ông L. Lúc này Trương Ngọc S đưa cho Q 01 bao thuốc lá để Q Cắt quân vị. Một lúc sau có thêm Nguyễn Đăng K, Lê Xuân L, Nguyễn Đình T, Lê Bá C, Lê Văn N, Lường Khắc H cũng đến để tham gia đánh bạc. Cả bọn đi lên bãi đất bằng trên đồi keo để chơi bạc. Do chưa có bát đĩa nên Nguyễn Thanh T bảo Đ quay về lán lấy thì Đ

quay xuống lán cầm 02 bát sứ và 02 đĩa sứ mang lên để đánh bạc. Cả bọn góp mỗi người 50.000 đ bỏ xuống chiếu để tham gia đánh bạc, Nguyễn Thanh T cầm tiền và đổi thành tiền một tờ 500.000đ đưa cho Đ bảo Đ xuống lán để gác.

Ban đầu Nguyễn Thanh T là người cầm cái rồi chuyển cho Trương Minh T2 cầm cái, sau đó đến Lê Văn N, đánh được một lúc thì có thêm Bùi Thị H cũng vào tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc Nguyễn Huy G không tham gia nhưng G là người bán nước uống và cho các bị cáo khác vay tiền để đánh bạc cụ thể G cho bị cáo Trương Minh T2 vay 3.000.0000đ, cho Lê Văn Q vay 4.000.0000^{đ} (Hình thức cho vay lãi với lãi suất là 50.000^{đ}/1.000.000^{đ}/ 3-4 ngày). Cả bọn ngồi đánh bạc đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Như Xuân ập vào bắt quả tang được Bùi Thị H, Nguyễn Huy G, Trương Minh T1, Nguyễn Thanh T và Lê Bá C còn các bị cáo khác chạy trốn.

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc: 02 Bát xứ, 02 Đĩa xứ ; 04 Quân vị cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 Đèn pin, loại đèn treo màu xanh cùng 01 đèn pin loại đội đầu có dây đeo và số tiền 6.880.000đ; Ngoài ra còn thu giữ trong người của Nguyễn Huy G số tiền 280.000đ và 01 điện thoại di động sam sung màu đồng đã qua sử dụng; Nguyễn Thanh T 01 Điện thoại NOKIA XL màu đen; Trương Minh T1 01 điện thoại di động Zes Z13 màu hồng; Lê Bá C 01 điện thoại di động NOKIA 6300; Bùi Thị H 01 điện thoại di động NOKYA và 3.000đ.

Trong quá trình Điều tra các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn N, Trương Minh T2, Trương Ngọc S, Nguyễn Đăng K, Lê Xuân L, Nguyễn Đình T, Lường Khắc H và Lê Anh Đ đã đến Công an huyện Như Xuân đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 19/CT-KSĐT-TA ngày 09/5/2017 của Viện trưởng VKSND huyện Như Xuân, Thanh Hóa truy tố các bị cáo: Trương Minh T1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Đăng K, Lê Bá C, Lê Văn N, Trương Minh T2, Bùi Thị H, Lê Văn Q, Lường Khắc H, Lê Anh Đ, Trương Ngọc S, Nguyễn Đình T, Nguyễn Huy G và Lê Xuân L về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 248 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 33 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thanh T từ 06 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 xử phạt bổ sung từ 5.000.000^{đ} đến 10.000.000^{đ}.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; 53 và Điều 33 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo:

Trương Minh T1 từ 4 đến 10 tháng tù, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, r khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 60 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đăng K từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 xử phạt bổ sung từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 60 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Lê Bá C từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 xử phạt bổ sung từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, r khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 60 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Lê Văn N từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 xử phạt bổ sung từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 60 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Trương Minh T2 từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 30 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Bùi Thị H từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 60 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo: Lê Văn Q từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 30 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Lường Khắc H từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 30 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Lê Anh Đ từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

11. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 30 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Trương Ngọc S từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

12. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 31 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đình T từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

13. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 30 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Huy G từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

14. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 31 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Lê Xuân L từ 03 đến 06 tháng cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung VKS đề nghị: Không khấu trừ thu nhập.

Ngoài ra, đại diện VKS còn đề nghị HĐXX giải quyết về vật chứng vụ án, về án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa những người bào chữa cho các bị cáo: Nguyễn Thanh T, Trương Minh T1 và Trương Minh T2 đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét thêm về điều kiện sống của các bị cáo ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Nguyễn Thanh T là người dân tộc thiểu số, bị cáo Trương Minh T1 và Trương Minh T2 có bố đẻ là người có công với cách mạng, gia đình thuộc hộ nghèo, có xác nhận của UBND xã, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 để xử các bị cáo mức hình phạt thấp nhất có thể, đồng thời miễn tiền phạt bổ sung và án phí cho các bị cáo có gia đình thuộc hộ nghèo.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Xuân L: Ông Lê Xuân T có ý kiến nhận thiếu sót trong việc quản lý giáo dục bị cáo L và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất có thể.

Tại phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến gì. Lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy đinh của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng khoảng 21 giờ ngày 08/02/2017, các bị cáo Trương Minh T1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Đăng K, Lê Bá C, Lê Văn N, Trương Minh T2, Bùi Thị H, Lê Văn Q, Lường Khắc H, Lê Anh Đ, Trương Ngọc S, Nguyễn Đình T, Nguyễn Huy G và Lê Xuân L đã cùng nhau đánh bạc với hình thức đánh xóc đĩa, số tiền phục vụ cho việc đánh bạc thu được là 6.880.000 đồng đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạn đến trật tự công cộng, trật tự an toàn xã

hội, làm tổn hại đến kinh tế gia đình, là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Tuy nhiên, số tiền các bị cáo dùng đánh bạc trong vụ này là 6.880.000đ, đây là số tiền không lớn, chỉ hơn mức khởi điểm một chút. Hội đồng xét xử sẽ phân hóa trách nhiệm hình sự và đánh giá tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi mà các bị cáo gây ra.

[3] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể. Trong khi đi chơi, các bị cáo gặp nhau và cùng thống nhất chơi bài ăn tiền với nhau. Trong đó, các bị cáo Nguyễn Thanh T và Trương Minh T1 là những người có vai trò chính, khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng đánh bạc. Vì vậy, trong vụ án này các bị cáo Nguyễn Thanh T và Trương Minh T1 phải chịu trách nhiệm chính và hình phạt phải nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo khác còn lại trong vụ án.

Các bị cáo còn lại trong vụ án này gồm Bùi Thị H, Lê Bá C, Nguyễn Đăng K, Trương Minh T2, Lê Văn Ngh, Lê Văn Q, Lường Khắc H, Lê Anh Đ, Trương Ngọc S, Nguyễn Đình T, Nguyễn Huy G và Lê Xuân L là những người tham gia chơi, tuy số tiền mỗi bị cáo dùng đánh bạc khác nhau nhưng đều không lớn. Trong đó có bị cáo chỉ phục vụ giúp sức hoặc cho các bị cáo khác vay tiền để đánh bạc nên tùy từng bị cáo cụ thể, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức án phù hợp.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng:

Đối với tất cả các bị cáo trong vụ án, sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay đều khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn, hối cải với lỗi lầm đã phạm nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

Bị cáo Trương Minh T1 đang có 01 tiền án về tội "Đánh bạc" bị cáo chưa thi hành xong hình phạt tiền nên chưa đủ điều kiện được xóa án tích, cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999 làm tình tiết tăng nặng cho bị cáo. Bị cáo thuộc hộ nghèo của xã Xuân Quỳ - Như Xuân, có bố là người có công với đất nước được nhà nước tặng thưởng huy chương nên cho bị cáo được hưởng thêm tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Thanh T chưa có tiền án, tiền sự nhưng quá trình nhân thân đã có hai lần phạm tội, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thành thành công dân tốt mà vẫn tiếp tục phạm tội. Trong vụ án lại là người giữ vai trò chính, tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

Các bị cáo Nguyễn Đăng K, Lê Bá C; Lê Văn N và Trương Minh T2 chưa có tiền án tiền sự. Xét quá trình nhân thân các bị cáo K, C, N đã có một lần phạm tội nhưng đã

được xóa án tích hơn 1 năm, bị cáo T2 có một lần vi phạm hành chính nhưng đến khi phạm tội cũng đã được xóa tiền sự hơn 1 năm. Cụ thể:

Bị cáo Lê Bá C: Ngày 20/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 07 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Ngày 15 tháng 9 năm 2015, bị cáo đã nộp xong án phí và tiền phạt (Có văn bản xác nhận của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân), áp dụng các quy định có lợi về chế định xóa án tích quy định tại các điều 69, 70, 73 BLHS năm 2015 bị cáo đã được xóa án tích kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Đăng K: Ngày 20/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, tại phiên tòa bị cáo khai là đã chấp hành xong từ trước đó vào ngày 13 tháng 01 năm 2016 và tại giấy xác nhận số 05 ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân về quá trình thi hành án của bị cáo K cũng thể hiện bị cáo đã thi hành xong khoản tiền phạt vào ngày 13 tháng 01 năm 2016. Bị cáo K giải thích thêm khi bị cáo bị bắt quả tang về hành vi đánh bạc ngày 08/02/2017 trong quá trình điều tra, vợ bị cáo có nhớ trước đó bị cáo có nhờ vợ đi nộp tiền phạt lần cuối (1.000.000.000 đ) cho bị cáo nhưng vợ bị cáo chưa đi nộp, đến khi bị cáo bị bắt vì lo cho chồng, nhớ ra việc bị cáo nhờ mà tự đến Chi cục thi hành án nộp tiền phạt vào ngày 10/02/2017, ngay sau đó khi kiểm tra lại hồ sơ thấy bị cáo đã nộp đủ từ trước, Chi cục thi hành án đã trả lại khoản tiền này. Như vậy, căn cứ vào quy định có lợi cho bị cáo về đương nhiên xóa án tích theo quy định tại các điều 69, 70, 73 Bộ luật hình sự 2015 thì bị cáo K đã được đương nhiên xóa án tích vào ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Bị cáo Lê Văn N: Ngày 24/12/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, qua xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân, bị cáo ngoài hình phạt chính là án treo còn bị phạt 200.000 đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền phạt vào ngày 07/01/2016. Áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo về đương nhiên xóa án tích theo quy định tại các điều 69, 70, 73, 107 Bộ luật hình sự 2015 thì bị cáo N đã được đương nhiên xóa án tích vào ngày 07 tháng 01 năm 2016.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo K và N đã lập công chuộc tội, đã tích cực cung cấp thông tin, theo dõi và báo tin kịp thời giúp cho Cơ quan điều tra công an huyện Như Xuân khám phá xử lý án, đấu tranh, truy bắt tội phạm mới có xác nhận của Trưởng công an huyện Như Xuân nên các bị cáo K, N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, bị cáo C tích cực cứu giúp người bị nạn giữa dòng thác nước xoáy, sâu trong mùa mưa lũ có tính chất quên mình có xác nhận của UBND xã Xuân Quỳ nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q, khoản 1 Điều 46 BLHS. Riêng bị cáo T có bố là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân, huy chương và thuộc gia đình hộ nghèo ở địa phương nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại

khoản 2 Điều 46 BLHS. Nên các bị cáo K và N được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, r khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo Ch được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, q khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo T được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Mặt khác, trong vụ án các bị cáo chỉ tham gia chơi với số tiền ít, giữ vai trò sau các bị cáo khác, các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 60 BLHS 1999 cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo Bùi Thị H, Lê Văn Q, Lường Khắc H, Trương Ngọc S, Nguyễn Đình T và Lê Xuân L là những bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Mặt khác các bị cáo này đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng các hình phạt cho các bị cáo cải tạo tại cộng đồng hoặc phạt tiền cũng đủ răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Riêng đối với bị cáo Long khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 69 BLHS 1999 để quyết định một hình phạt phù hợp, nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo Long sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo là Lê Anh Đ và Nguyễn Huy G mặc dù không tham gia trực tiếp đánh bạc nhưng có vai trò đồng phạm của người giúp sức. Bị cáo Đ là người chuẩn bị chiếu, đĩa, bát và canh gác cho các bị cáo khác đánh bạc, được các bị cáo trả công 500.000đ. Bị cáo G là người bán nước uống và cho các bị cáo vay tiền với lãi suất cao để tham gia đánh bạc.Vì vậy, trong vụ án này các bị cáo Nguyễn Huy G và Trương Minh T1 phải chịu trách nhiệm ngang bằng nhau và thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án. Các bị cáo này là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải nên cũng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng các hình phạt cho các bị cáo cải tạo tại cộng đồng hoặc phạt tiền cũng đủ răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn N, Trương Minh T2, Trương Ngọc S, Nguyễn Đăng K, Lê Xuân L, Nguyễn Đình T, Lường Khắc H và Lê Anh Đ sau khi phạm tội, được sự vận động của gia đình, chính quyền địa phương đã đến Công an huyện Như Xuân đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46

BLHS 1999 cho các bị cáo để thể hiện tính nhân dân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về phần hình phạt bổ sung: Các bị cáo Trương Minh T, Trương Minh T2 có đơn trình bày là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo ở địa phương nên HĐXX xét thấy cần thiết miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho hai bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với các bị cáo bị phạt tiền là hình phạt chính thì HĐXX cũng không áp dụng thêm hình phạt bổ sung. Còn bị cáo Đ hiện sức khỏe yếu phải điều trị bệnh dài ngày, chưa có thu nhập ổn định, bị cáo L đang là vị thành niên và là học sinh đang đi học chưa tham gia lao động nên HĐXX cũng không áp dụng hình phạt tiền làm hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo này. Các bị cáo khác gồm: Nguyễn Thanh T, Lê Bá C, Nguyễn Đăng K, Lê Văn N và Lê Văn Q ngoài hình phạt chính HĐXX sẽ xem xét áp dụng thêm hình phạt tiền với từng bị cáo là phù hợp.

[6] Về phần xử lý vật chứng: Các vật chứng gồm 02 Bát xứ, 02 Đĩa xứ ; 04 Quân vi cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 Đèn pin, loại đèn treo màu xanh và 01 đèn pin loại đội đầu có dây đeo là những vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc 6.880.000đ xung công quỹ Nhà nước. Các vật chứng là tài sản hợp pháp của các bị cáo thì trả lại cho các bị cáo: Trả lại số tiền 280.000đ và 01 điện thoại di động Samsung màu đồng đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Huy G. Trả lại 01 Điện thoại NOKIA XL màu đen cho bị cáo Nguyễn Thanh T. Trả lại 01 điện thoại di động Zes Z13 màu hồng cho bị cáo Trương Minh T1. Trả lại 01 điện thoại di động NOKIA 6300 cho bị cáo Lê Bá C. Trả lại 01 điện thoại di động NOKIA và 3.000 đ cho bị cáo Bùi Thị H. Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2017 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí, miễn án phí cho các bị cáo thuộc hộ nghèo và các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Trương Minh T1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Đăng K, Lê Bá C, Lê Văn N, Trương Minh T2, Bùi Thị H, Lê Văn Q, Lường Khắc H, Lê Anh Đ, Trương Ngọc S, Nguyễn Đình T, Nguyễn Huy G và Lê Xuân L phạm tội "Đánh bạc"

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 33 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thanh T 6 (sáu) tháng tù.

Được trừ đi 03 ngày tạm giữ còn phải chấp hành tiếp 5 (năm) tháng 27 (hai bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung: 5.000.000đ (năm triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; 53 và Điều 33 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Trương Minh T1 5 (năm) tháng tù. Được trừ đi 3 (ba) ngày tạm giữ và 49 (bốn chín) ngày tạm giam còn phải chấp hành tiếp 3 (ba) tháng 8 (ngày) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p, r khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 33; 53 và Điều 60 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đăng K 5 (năm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung: 5.000.000đ (năm triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

4. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 20; 33; 53 và Điều 60 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Lê Bá C 5 (năm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung: 5.000.000đ (năm triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

5. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p, r khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 33; 53 và Điều 60 BLHS 1999. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N, phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: Lê Văn N 5 (năm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung: 5.000.000đ (năm triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 33; 53 và Điều 60 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Trương Minh T2 5 (năm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 33; 53 và Điều 60 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo: Lê Văn Q 5 (năm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung: 5.000.000đ (năm triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Đăng K, Lê Bá C, Lê Văn N, Trương Minh T2 và Lê Văn Q cho UBND xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

8. Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 30 BLHS 1999. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị H, phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: Bùi Thị H 7.000.000đ (Bảy triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

9. Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 30 BLHS. Tuyên bố: Bị cáo Lường Khắc H phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: Lường Khắc H 7.000.000 (bảy triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

10. Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 31 BLHS 1999. Tuyên bố: Bị cáo Lê Anh Đ, phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: Lê Anh Đ 6 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 5 ngày tạm giữ, quy đổi thành 15 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 5 (năm) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án của Tòa án giao cho giám sát, giáo dục.

11. Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; 30 và Điều 53 BLHS 1999. Tuyên bố: Bị cáo Trương Ngọc S, phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: Trương Ngọc S 7.000.000 (Bảy triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

12. Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 31 BLHS 1999. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T, phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đình T 6 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 3 ngày tạm giữ, quy đổi thành 9 ngày cải tạo không giam giữ, Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 5 (năm) tháng 21 (Hai mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án của Tòa án giao cho giám sát, giáo dục.

13. Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53 và Điều 30 BLHS 1999. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Huy G, phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: Nguyễn Huy G 6.000.000 (Sáu triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

14. Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53; 69 và Điều 31 BLHS 1999. Tuyên bố: Bị cáo Lê Xuân L, phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: Lê Xuân L 6 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã Xuân Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án của Tòa án giao cho giám sát, giáo dục.

Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1; điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 02 Bát xứ, 02 Đĩa xứ; 04 Quân vi cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 Đèn pin, loại đèn treo màu xanh và 01 đèn pin loại đội đầu có dây leo; Tịch thu số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc 6.880.000đ xung công quỹ Nhà nước. Trả lại số tiền 280.000đ và 01 điện thoại di động Samsung màu đồng đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Huy G. Trả lại 01 Điện thoại NOKIA XL màu đen cho bị cáo Nguyễn Thanh T. Trả lại 01 điện thoại di động Zes Z13 màu hồng cho bị cáo Trương Minh T1. Trả lại 01 điện thoại di động NOKIA 6300 cho bị cáo Lê Bá C. Trả lại 01 điện thoại di

động NOKIA và 3.000 đ cho bị cáo Bùi Thị H. Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2017 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

Về án phí*:* Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Đăng K, Lê Bá C, Lê Văn N, Bùi Thị H, Lê Văn Q, Lường Khắc H, Lê Anh Đ, Trương Ngọc S, Nguyễn Đình T phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí HSST. Miễn án phí HSST cho các bị cáo: Trương Minh T1, Trương Minh T2, Nguyễn Huy G và Lê Xuân L.

Trường hợp Bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người bị thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trương Minh T1, Nguyễn Đăng K, Lê Bá C, Lê Văn N, Trương Minh T2, Bùi Thị H, Lê Văn Q, Lường Khắc H, Trương Ngọc S, Nguyễn Đình T, Nguyễn Huy G và Lê Xuân L và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Xuân Long, vắng mặt bị cáo Lê Anh Đ. Các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Xuân L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Lê Anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Như Xuân;
- Công an huyện Như Xuân;
- Cơ quan THA huyện Như Xuân;
- Các bị cáo;
- Những người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn